

Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ

*Ba Bè, ngày 16 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2021/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị L**, sinh năm 1981

\* Bị đơn: Anh **Chu Văn H**, sinh năm 1979

Đều trú tại: Thôn N, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: 1 L, phường H1, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Th** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Việt C** – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị L, sinh năm 1981 và anh Chu Văn H, sinh năm 1979.

- Điều trú tại: Thôn N, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị L và anh Chu Văn H thuận tình ly hôn.

\* *Về con chung*: Chị Triệu Thị L và anh Chu Văn H có 02 con chung tên là Chu Thế V, sinh ngày 10/02/2002 và Chu Thị H1 sinh ngày 05/01/2005. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Đối với con chung Chu Thế V đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung. Đối với con chung Chu Thị H1, Chị Triệu Thị L và anh Chu Văn H thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho anh Chu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

\* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Chu Văn H không yêu cầu chị Triệu Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định. Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản chung*: Chị Triệu Thị L và anh Chu Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

\* *Về nợ chung*: Chị Triệu Thị L, anh Chu Văn H và người đại diện theo hợp pháp của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn thỏa thuận thống nhất: Chị Triệu Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh của khoản vay khi đến hạn thanh toán theo sổ vay vốn với mã món vay: 6600000711624863; Sản phẩm vay: HSXVKK - Hộ sản xuất kinh doanh tại VKK- Trung hạn - TW - Cá nhân; Dư nợ: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Hạn cuối trả nợ: 09/12/2022; Lãi suất cho vay: 0,75%/ tháng.

\* *Về án phí*: Chị Triệu Thị L và anh Chu Văn H thỏa thuận và thống nhất việc chị Triệu Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03812 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Triệu Thị L được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Triệu Thị L đã nộp đủ án phí.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***\*Nơi nhận:***

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (1b);
- Viện kiểm sát huyện B ( 2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã B1 (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Phạm Thế Hùng**